

Bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Trần Thu Hạnh*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 4 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 5 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 6 năm 2017

Tóm tắt: Trong bối cảnh Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 đã được ban hành nhưng tạm thời chưa có hiệu lực, tác giả nghiên cứu những quy định về bị hại, các quyền và nghĩa vụ của bị hại và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định này trong BLTTHS năm 2015.

Từ khoá: Bị hại, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong đó, người bị hại là đối tượng cần được bảo vệ hơn cả vì người bị hại là người mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm hại nặng nề nhất, là người chịu thiệt thòi nhiều nhất trong số những người tham gia tố tụng do hành vi phạm tội gây ra. Vì vậy, người bị hại cần phải được bảo vệ kịp thời, thậm chí ngay khi họ bị đe dọa gây thiệt hại. Quy định về người bị hại trong BLTTHS năm 2015 đã phần nào bảo đảm được các quyền lợi của người bị hại. Trong phạm vi bài viết, tác giả làm sáng tỏ những quy định của BLTTHS năm 2015 về khái niệm, quyền và nghĩa vụ của người bị hại đồng thời đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về người bị hại.

1. Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 qui định về “Bị hại” trong tố tụng hình sự, so với qui định “Người bị hại” tại Điều 51 BLTTHS năm 2003 đã có những sửa đổi bổ sung lớn làm thay đổi phạm vi, tính chất của loại người tham gia tố tụng này.

Thuật ngữ “Người bị hại” được hiểu là con người cụ thể trong xã hội (tự nhiên nhân), chịu sự tác động tiêu cực của sự kiện, hành vi hoặc bất kỳ sự tác động nào khác dẫn đến những thiệt thòi, mất mát hay tổn thương cho chính họ. Thiệt hại gây ra cho người bị hại có thể là thiệt hại về vật chất hoặc phi vật chất và không cần phải giới hạn mức độ thiệt hại [1]. Cách hiểu này cũng được sử dụng trong Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, khi đưa ra định nghĩa *người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản do tội phạm gây ra*. Người bị hại chỉ có thể là thể nhân bị người phạm tội làm thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản chứ không thể là pháp nhân [2]. Luật tố tụng hình sự (TTHS) nhiều nước dùng thuật ngữ “Người bị hại” để qui định quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với họ trong quá trình giải quyết vụ án, có thể kể đến như: luật TTHS của Cộng

* ĐT.: 84-2437547512.

Email: tranthuhanh72@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4105>

hoà Pháp, luật TTHS Liên bang Nga, luật TTHS Trung Quốc... Luật TTHS Việt Nam đến trước khi ra đời BLTTHS năm 2015 cũng theo chiều hướng này, đều coi người bị hại là con người cụ thể bị hành vi trực tiếp xâm hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản. BLTTHS năm 2003, khoản 1 qui định: “Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản, do tội phạm gây ra”.

Bộ luật TTHS năm 2015, không dùng thuật ngữ “Người bị hại” mà sử dụng khái niệm “Bị hại”, Điều 62 BLTTHS qui định: “*Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra.*”. Như vậy, đã có sự khác biệt về thuật ngữ qui định trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015, cùng với đó là sự thay đổi, mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật, cũng như quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể được coi là “Bị hại” trong TTHS.

Theo qui định của Điều 62 nêu trên, khái niệm “Bị hại” có các nội hàm sau đây:

Thứ nhất, “Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản”. Nội dung này tương đồng với với qui định về “Người bị hại” của Điều 51 BLTTHS 2003; theo đó, Bị hại là cá nhân (tự nhiên nhân) đang sống, ở bất kỳ lứa tuổi nào, bao gồm cả người có hoặc không có năng lực hành vi, không phân biệt giới tính, nhận thức, trình độ, năng lực, địa vị... Điều luật qui định Bị hại là “cá nhân” và được hiểu là: “con người cụ thể từ khi sinh ra đến khi chết và tồn tại trong một tập thể hoặc một cộng đồng xã hội.”[3]; do đó người chết do hành vi phạm tội gây ra không thuộc khái niệm “Bị hại” mà được coi là “nạn nhân”. Như vậy, Bị hại được hiểu là cá nhân đang sống và không có bất kỳ phân biệt hay điều kiện ràng buộc nào khi tham gia các quan hệ tổ tụng hình sự.

Thiệt hại do tội phạm gây ra cho cá nhân là thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản; đó là những đối tượng tác động trực tiếp của tội phạm khi xâm hại khách thể, với tư cách là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Thiệt hại ở đây có thể là thiệt hại về sức khoẻ của cá

nhân (do bị gây thương tích, gây tai nạn hay bị người phạm tội vi phạm quy tắc nghề nghiệp gây ra...), cũng có thể thiệt hại về tính mạng (trong trường hợp hành vi tước bỏ tính mạng trái pháp luật người khác của người phạm tội, nhưng trên thực tế người bị hại không chết); thiệt hại về tinh thần (như bị người phạm tội lăng nhục, bị xúc phạm đến danh dự nhân phẩm...); cũng có thể là thiệt hại đối với tài sản của cá nhân. Mỗi loại thiệt hại này, thể hiện tính chất, mức độ xâm hại đến một loại khách thể tương ứng được luật hình sự bảo vệ, chẳng hạn: Hành vi cố ý gây thương tích gây thiệt hại cho sức khỏe đã xâm hại đến quyền bất khả xâm về thân thể của con người; Hành vi giết người đã gây thiệt hại cho tính mạng đã xâm hại đến quyền sống của con người; Hoặc hành vi chiếm đoạt đã gây thiệt hại đến tài sản xâm hại đến quyền sở hữu của người khác.

Điều luật xác định thiệt hại do tội phạm gây ra phải là thiệt hại *trực tiếp*. Điều đó thể hiện: thể chất, tinh thần hoặc tài sản bị thiệt hại phải là hậu quả của hành vi phạm tội thì mới được coi là thiệt hại trực tiếp. Nói cách khác, giữa hành vi phạm tội và thiệt hại xảy ra phải có mối quan hệ nhân quả, mối quan hệ biện chứng: thiệt hại gây ra cho người bị hại phải là những thiệt hại cụ thể, thiệt hại đó phải có tính hiện tại và xác định; sự thiệt hại không thể không cụ thể, chưa xác định, hoặc có tính chất mơ hồ, chưa hoặc sắp xảy ra. Sự thiệt hại đó phải là trực tiếp do chính tội phạm gây ra, thiệt hại có mối liên hệ nhân quả với hành vi phạm tội. Điều cơ bản khi xác định thiệt hại của người bị hại là sự thiệt hại do một tội phạm được luật hình sự quy định, xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của người bị thiệt hại, các quyền được pháp luật bảo vệ. Đồng thời sự thiệt hại mà người bị hại phải gánh chịu không phải có nguồn gốc từ hành vi không phù hợp pháp luật của người bị thiệt hại. Điều này cũng đồng nghĩa với việc không chấp nhận quan điểm cho rằng thiệt hại do tội phạm gây ra cũng là thiệt hại gián tiếp, thiệt hại đó có thể không có mối liên hệ nhân quả với hành vi phạm tội. Tuy nhiên, đối với thiệt hại về tinh thần thì thiệt hại thường không cụ thể, không có thể định

lượng được. Vì vậy, không chỉ trong trường hợp tội phạm hoàn thành, mà cả trong trường hợp phạm tội chưa đạt, khi chưa gây thiệt hại, do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội thì cá nhân có nguy cơ bị xâm hại cũng được coi là người bị hại.

Một dấu hiệu “hình thức” phải được xác lập đối với cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra nhưng phải được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (THTT) xác định là bị hại thì mới được coi là người bị hại. Việc xác định tư cách bị hại do Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định trong các giai đoạn tố tụng tương ứng. Như vậy, cá nhân bị thiệt hại do tội phạm gây ra sẽ không có tư cách “Bị hại” nếu không có quyết định xác định của cơ quan có thẩm quyền THTT, họ có thể sẽ tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn dân sự hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trên cơ sở quyết định xác nhận tư cách “Bị hại” thì họ mới có quyền và nghĩa vụ tố tụng như: Quyền đưa ra yêu cầu, cung cấp các tài liệu chứng cứ; quyền nhờ luật sư để tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, quyền được kháng cáo bản án của Tòa án nếu họ không nhất trí với một phần hay bản án về các vấn đề như dân sự, hình phạt đối với bị cáo...

Thứ hai, bị hại là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra

Đây là quy định mới so với quy định tương ứng của BLTTHS năm 2003, ngoài cá nhân thì cơ quan, tổ chức cũng là một hợp phần của khái niệm “Bị hại” trong BLTTHS năm 2015. Theo đó, cơ quan, tổ chức bị tội phạm trực tiếp gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại về tài sản, uy tín cũng được coi là “Bị hại”. Quy định mới này, xuất phát từ quan điểm cho rằng trong thực tế hành vi phạm tội không chỉ gây thiệt hại cho cá nhân mà còn gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức. Những thiệt hại này khá đa dạng, không chỉ thuần túy là thiệt hại về tài sản mà còn gây thiệt hại về uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, chẳng hạn như một doanh nghiệp bị giả mạo về

thương hiệu, bị vu khống làm mất uy tín trong kinh doanh... Mặt khác, qui định mới bổ sung này đã khắc phục được những hạn chế trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đó là : i) Trường hợp với cơ quan, tổ chức mà tài sản thuộc về sở hữu nhà nước, khi bị tội phạm gây thiệt hại, trong trường hợp cơ quan, tổ chức đó không có đơn yêu cầu thì họ sẽ không thể tham gia tố tụng với bất kỳ tư cách gì (Điều 52 BLTTHS năm 2003 qui định cơ quan tổ chức bị thiệt hại trực tiếp sẽ có tư cách nguyên đơn dân sự khi cơ quan, tổ chức đó có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra); Điều này đồng nghĩa với việc tài sản của nhà nước, mà cơ quan, tổ chức đại diện chủ sở hữu không được bảo vệ và bảo đảm; ii) Đối với doanh nghiệp mà tài sản thuộc sở hữu cá nhân, của một nhóm người cùng góp vốn vào kinh doanh bị tội phạm gây thiệt hại, vậy để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình chủ sở hữu tài sản đó chỉ tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự, liệu có hợp lý? Liệu có bảo đảm sự bình đẳng trong khi về thực chất tài sản đó đều của cá nhân; iii) Khi cơ quan, tổ chức bị người phạm tội trực tiếp xâm hại về tài sản sẽ tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự, thì trong trường hợp này sẽ không có sự phân biệt thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội gián tiếp gây ra; iii) Nếu quan niệm hành vi gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức là thiệt hại về tài sản như quy định tại Điều 52 BLTTHS năm 2003 thì sẽ bỏ lọt trường hợp thiệt hại do tội phạm gây ra cho cơ quan, tổ chức là thiệt hại về thương hiệu, về uy tín trong kinh doanh.

Như vậy, khái niệm “Bị hại” theo qui định tại Điều 62 BLTTHS năm 2015 có những đặc điểm sau: 1. Bị hại là cá nhân; cơ quan, tổ chức; 2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức thiệt hại trực tiếp do tội phạm gây ra; 3. Cá nhân có thể bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản; 4. Cơ quan, tổ chức có thể bị thiệt hại về vật chất, uy tín; Cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại chỉ được tham gia tố tụng với tư cách là “Bị hại” khi được cơ quan có thẩm quyền THTT xác nhận bằng các quyết định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

2. Điều 62 BLTTHS năm 2015 qui định quyền và nghĩa vụ pháp lý của Bị hại trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Theo đó, ngoài việc bổ sung quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức là Bị hại còn bổ sung một số quyền của bị hại là cá nhân nhằm bảo đảm các quyền con người của họ nhất là quyền được tranh tụng, quyền được xét xử công bằng... để bảo vệ quyền và lợi ích của họ khi bị tội phạm xâm hại gây thiệt hại. “Đối với người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được bổ sung các quyền nhằm giúp họ bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của mình như: quyền yêu cầu giám định, định giá tài sản; quyền tự bảo vệ hoặc nhờ người bảo vệ; quyền được thông báo kết quả giải quyết vụ án...”[4]. Các quyền và nghĩa vụ của bị hại bao gồm:

Thứ nhất, quyền của bị hại: a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; c) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; d) Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; đ) Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án; e) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; g) Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường; h) Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa; i) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; k) Tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; l) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; m) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; n) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu

của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa.

Như vậy để phát huy vai trò tham gia tố tụng của Bị hại trong việc giải quyết vụ án hình sự. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm khá nhiều quyền cho người bị hại (được in đậm ở phần trên).

Thứ hai, nghĩa vụ của Bị hại : a) Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải; b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Ngoài việc quy định thêm quyền cho Bị hại, BLTTHS năm 2015 cũng đã quy định bổ sung nghĩa vụ của Bị hại nhằm bảo đảm sự tham gia của Bị hại khi họ cố tình không có mặt khi cơ quan có thẩm quyền THTT yêu cầu đồng thời đề cao hơn trách nhiệm của Bị hại.

Thứ ba, trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại Điều 62 BLTTHS năm 2015. Đây cũng là một quy định bổ sung để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Bị hại.

Cơ quan, tổ chức là bị hại có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 62 BLTTHS năm 2015.

3. Các qui định về Bị hại của BLTTHS năm 2015 đã có những sửa đổi bổ sung so với BLTTHS năm 2003 theo hướng, mở rộng phạm vi, tăng quyền nhằm bảo vệ tốt hơn quyền con người của Bị hại theo định hướng của các Nghị quyết cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước, cũng như thể chế hóa qui định của Hiến pháp năm 2013 trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, để phát huy có hiệu quả những qui định này về bị hại, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện những vấn đề sau:

Thứ nhất, vấn đề phạm vi kháng cáo của bị hại: Bị hại là cá nhân, cơ quan, tổ chức được BLTTHS năm 2015 quy định cho họ quyền

tương đối rộng như quyền đề nghị hình phạt, quyền yêu cầu bồi thường, quyền kháng cáo... Mặc dù, trước đây đã có hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quyền kháng cáo của người bị hại nhưng không chỉ rõ phạm vi kháng cáo của người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ, Điều 62 và Điều 331 BLTTHS năm 2015 chưa quy định thống nhất phạm vi kháng cáo của Bị hại đối với bản án, quyết định sơ thẩm của tòa án. Do đó, để khắc phục, cũng như để bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của Bị hại cần thiết phải hoàn thiện các điều luật trên theo hướng xác định hợp lý và thống nhất phạm vi kháng cáo của Bị hại và người đại diện hợp pháp của họ, cần sửa lại nội dung điểm m Điều 62 BLTTHS năm 2015 theo hướng người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo **toàn bộ** bản án hoặc quyết định của tòa án **cấp sơ thẩm** để thống nhất với nội dung và tinh thần của Điều 331 BLTTHS năm 2015.

Thứ hai, vấn đề liên quan đến chế định khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại.

Khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại trong TTHS thể hiện tính dân chủ, sự tôn trọng và cảm thông trước sự thiệt hại, mất mát, đau đớn của bị hại. Mặc dù nguyên tắc cơ bản trong TTHS Việt Nam là nguyên tắc công tố, tức là hành vi phạm tội phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước, Nhà nước đã cam kết sẽ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân bằng một văn bản pháp lý có giá trị cao nhất, đó là Hiến pháp, bằng cả hệ thống pháp luật và cơ chế bảo đảm thực hiện. Mọi hành vi phạm tội xâm hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân sẽ bị Nhà nước xử lý nghiêm khắc. Tuy nhiên, khi xử lý hành vi phạm tội, Nhà nước còn phải quan tâm đến nguyện vọng và lợi ích chính đáng của bị hại. Thực tế cho thấy mặc dù bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra nhưng bị hại lại không muốn đưa ra xử lý vì như vậy sẽ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, tương lai của họ, cũng có trường hợp giữa bị hại và người gây ra thiệt hại có những mối quan hệ đặc biệt. Điều 62 và Điều 155 BLTTHS năm 2015 đã ghi nhận khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại. Quá trình áp dụng cho thấy chế định khởi

tố vụ án theo yêu cầu của bị hại còn chưa qui định bị hại trong vụ án hình sự này phải có quyền buộc tội đối với bị cáo. Khác với bị hại thông thường, bị hại có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự được pháp luật TTHS quy định một quyền riêng đó là quyền được “trình bày lời buộc tội”, nếu không quy định cụ thể sẽ dẫn đến quyền của bị hại không thực hiện được trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Thứ ba, vấn đề liên quan đến đại diện hợp pháp của người bị hại: Tại khoản 5 Điều 62 BLTTHS quy định “*Trong trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có những quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại điều này*”. Quy định này đã bổ sung các trường hợp Bị hại bị *mất tích, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi* có đại diện hợp pháp tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Bị hại là người chưa thành niên chưa có qui định đại diện hợp pháp, nên cần bổ sung thêm vào nội dung *trường hợp người bị hại là người chưa thành niên vào khoản 5, Điều 62 BLTTHS 2015*.

Thứ tư, cần hướng dẫn đầy đủ và kịp thời về một số vấn đề có liên quan đến bị hại của các cơ quan tư pháp trung ương và một số ngành có liên quan.

Chúng ta thấy rằng, mặc dù trong BLTTHS đã có quy định về những vấn đề bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Nhưng để xác định được những vấn đề này, trong thực tiễn hoạt động của mình, các cơ quan có thẩm quyền THTT phải xác định chính xác người tham gia tố tụng trong đó có bị hại hoặc đại diện hợp pháp của bị hại trong vụ án thì mới giúp cho việc giải quyết vụ án được chính xác kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, khắc phục thiệt hại nhỏ nhất cho bị hại. Bởi vậy cần sự hướng dẫn kịp thời và đầy đủ của các ngành, liên ngành có thẩm quyền để tạo cơ sở cho sự nhận thức thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền THTT, người có thẩm quyền THTT về những tình tiết là dấu hiệu pháp lý của người tham gia tố tụng trong đó có bị hại cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền THTT giải quyết triệt để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của

người bị hại, tránh để vụ án kéo dài, mất thời gian./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Từ điển Tiếng Việt (2002), Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), "Thuật ngữ Luật hình sự", Trong sách: Từ điển giải thích

thuật ngữ Luật học, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

- [3] Viện khoa học pháp lý (2006), Từ điển Luật học, NXB Từ điển bách Khoa – NXB Tư pháp, Hà Nội, tr 91
- [4] PGS. TS Nguyễn Hòa Bình (2016), Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 42.

The Victim in Criminal Procedure Code 2015 and Some Recommendations to Improve the Law

Tran Thu Hanh

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: In the context that the promulgated Criminal Procedure Code (CrPC) 2015 has not yet come into effect, the author studies the provisions on the victim, the rights and obligations of the victim and proposes recommendations to finalize these provisions in Criminal Procedure Code 2015.

Keywords: Victim, Criminal Procedure Code 2015.